



Tài trợ bởi
Liên minh châu Âu



**NHẬN BIẾT VÀ BÁO CÁO VI PHẠM PHÁP LUẬT
LIÊN QUAN ĐẾN**

ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Nội dung tài liệu do tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS), Chương trình Việt Nam xây dựng và chịu trách nhiệm, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Liên minh châu Âu.

WCS hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

 vietnam.wcs.org

GIỚI THIỆU

Sổ tay nhận biết và báo cáo vi phạm pháp luật liên quan đến động vật hoang dã (ĐVHD) được Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS), Chương trình Việt Nam biên soạn nhằm cung cấp thông tin cơ bản về các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý và bảo vệ ĐVHD; đặc điểm nhận dạng các loài ĐVHD và sản phẩm ĐVHD thường bị xâm hại; các hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD phổ biến, cách thức nhận biết và báo cáo vi phạm.



PHẦN I. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. ĐVHD là gì?

“ĐVHD là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:

Loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES

Loài động vật rừng thông thường

Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.

(Theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021)



2. ĐVHD được quản lý và bảo vệ như thế nào?

a. Hệ thống pháp luật về quản lý và bảo vệ ĐVHD:

Khung pháp luật quốc tế và Việt Nam về quản lý và bảo vệ ĐVHD ()*



(*) Tên văn bản xem cụ thể tại Phụ lục I.

b. Các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về ĐVHD:

- **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** (Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm bao gồm Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Cục Thú y, Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư) và hệ thống trực thuộc ở địa phương;
- **Bộ Tài nguyên và Môi trường** (Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Vụ Môi trường) và hệ thống trực thuộc ở địa phương;
- **Bộ Công thương** Bộ Công thương (Tổng cục Quản lý thị trường, Tổng cục Hải quan) và hệ thống trực thuộc ở địa phương.

PHẦN II. NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT HOANG DÃ BỊ XÂM HẠI PHỔ BIẾN

1. Nhận biết một số loài ĐVHD bị xâm hại và sản phẩm ĐVHD bị buôn bán phổ biến

Theo số liệu thống kê các vụ bắt giữ ĐVHD do WCS tổng hợp từ báo chí trong giai đoạn 2017 - 2021 và các nguồn thông tin mở khác, các loài ĐVHD phổ biến bị bắt giữ trong các vụ việc vi phạm và có ghi nhận các hành vi xâm hại công khai bao gồm:

Nhóm loài Rùa: Rùa đầu to (409 cá thể), Rùa hộp trán vàng miền Bắc (222 cá thể), Rùa sa nhân (140 cá thể), Rùa núi vàng (55 cá thể) và một số loài khác (16 cá thể và số lượng lớn mai, yếm) như Rùa núi viền, Rùa đất lớn, Ba ba Nam Bộ;

Nhóm loài Tê tê: Tê tê Java (835 cá thể và 110,8kg vảy), Tê tê vàng (05 cá thể);

Nhóm loài Thú ăn thịt: Cầy vòli hương (92 cá thể), Mèo rừng (19 cá thể);

Nhóm loài Linh trưởng: Khỉ đuôi lợn (22 cá thể), Cu li (4 cá thể);

Nhóm loài Thần lằn và Rắn: Rắn hổ mang chúa (190 cá thể), Kỳ đà vân (28 cá thể và 30,5kg), Kỳ đà hoa (hơn 30 cá thể);

Nhóm loài ĐVHD bị xâm hại dưới dạng sản phẩm hoặc bộ phận cơ thể: Voi (ngà voi, lông đuôi, da...), hổ và sư tử (nanh, móng, xương...), gấu (mật, tay)..

Rùa đầu to có mai dẹt và thuôn dài về phía sau. Hai đặc điểm để nhận biết loài là:

(1) Đầu to và không thể thụt vào trong mai. Hàm trên kéo dài và quặp tạo thành mỏ - là đặc điểm khác hẳn với các loài rùa khác



Rùa đầu to/Rùa mỏ vẹt
(*Platysternum megacephalum*)

(2) Đuôi rùa dài gần bằng kích thước của cơ thể

Rùa hộp trán vàng miền Bắc có mai gồ cao so với thân và có thể thụt đầu hoàn toàn vào trong. Mai có các vết màu đen, đậm hơn ở phần gần sống lưng và sáng hơn ở các phần xung quanh.



Ảnh: © Julie Larsen Maher

Rùa hộp trán vàng miền Bắc
(*Cuora galbinifrons*)



Đặc điểm phân biệt rùa hộp trán vàng miền Bắc với 02 loài rùa hộp trán vàng còn lại tại Việt Nam là yếm có màu đen. Hai loài còn lại có yếm màu vàng và chấm đen ở mỗi tấm yếm

Rùa sa nhân có màu đa dạng, từ vàng nâu đến xám. Mắt rùa sa nhân trưởng thành thường có màu đỏ và da đầu có nhiều tấm vảy lớn. Ba đặc điểm chính để nhận biết loài này bao gồm:



Ảnh: © Julie Larsen Maher

Rùa sa nhân
(*Cuora mouhotii*)



(1) Lưng có 3 gờ nổi rõ, chạy dọc mai: 1 gờ ở giữa lưng, 2 gờ còn lại chạy từ vảy số 1 đến số 4 trên mai



(2) Phía sau mai có rìa răng cưa



(3) Yếm có tấm bản lề giúp rùa có thể thu mình hoàn toàn vào trong mai. Yếm có màu vàng và có vết màu đen chạy quanh rìa yếm



Ảnh: © Trần Xuân Việt

Rùa núi vàng
(*Indotestudo elongata*)



(1) Mai màu vàng, có những vết đen với các kích thước khác nhau



(2) Đầu màu vàng



(3) Tấm riềm trên đuôi tròn quá đuôi

(4) Chân hình trụ có vảy lớn và bàn chân chắc khỏe (như chân voi)



Ảnh: © Trần Xuân Việt

Rùa núi yên
(*Manouria impressa*)



(1) Những tấm vảy ở giữa mai phẳng



(2) Hai chân sau có 2 cái cựa lồi ra giống đuôi nên thường gọi là rùa ba đuôi



(3) Chân hình trụ có những vảy lớn và bàn chân chắc khỏe (như chân voi)



Rùa đất lớn
(*Heosemys grandis*)



(1) Mai cao, màu nâu thẫm, có 1 gờ sống lưng màu vàng nhạt



(2) Yếm màu vàng nhạt hay nâu nhạt, có các tia hình rẻ quạt màu nâu sẫm hoặc đen tỏa ra từ những chấm đen trên từng tấm yếm



(3) Yếm không có tấm bản lề



Ba ba Nam Bộ
(*Amyda cartilaginea*)



(1) Mai màu xám nâu hoặc màu xanh nâu. Có một hàng các u thịt ở phía trước rìa mai, phần trên cổ



(2) Đầu màu nâu hoặc xám, mũi dài giống như cái vòi



(3) Cá thể non có các chấm hoặc đốm màu vàng trên mai

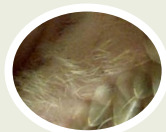


Ảnh: © Dang Huy Phuong

Tê tê Java/Trút (*Manis javanica*)



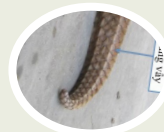
(1) Vảy sừng xếp chồng lên nhau như mái ngói và phủ toàn thân, từ đầu đến cuối đuôi



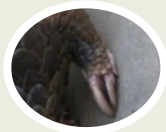
(2) Bụng không có vảy sừng, da dày có lớp lông cứng



(3) Vảy màu nâu sẫm, vàng hoặc vàng nhạt



(4) Đuôi có 25 hàng vảy xếp theo chiều dọc



(5) Các móng (vuốt) chân trước dài hơn móng chân sau, móng giữa phát triển mạnh



Ảnh: Q.V.CS

Tê tê vàng/Xuyên sơn giáp (*Manis pentadactyla*)

Tê tê vàng có kích cỡ nhỏ hơn Tê tê Java



(1) Toàn thân (trừ bụng) phủ lớp vảy sừng, vảy sừng xếp chồng lên nhau giống như lợp ngói



(2) Bụng không có vảy, da bụng dày có lông thưa cứng



(3) Vảy có màu vàng sẫm, vàng, hoặc vàng nhạt



(4) Đuôi ngắn có 14 - 17 hàng vảy xếp theo chiều dọc



(5) Bàn chân trước 5 ngón, 3 ngón giữa có móng (vuốt) dài và cong



Ảnh: © Dennis DeMello

Cầy vòi hương
(*Paradoxurus hermaphroditus*)



(1) Đốm đen trên nền màu xám nâu. Các đốm đen nhập vào nhau thành đường dài chạy dọc từ vai đến cuối đuôi



(2) Phần cuối đuôi có màu đen



(3) Mặt nạ trắng vắt ngang trán và có những đốm trắng dưới mắt và mũi

(1) Lông mềm màu vàng trắng điểm nhiều đốm đen không đều



(2) Đầu có những sọc màu đen, trắng chạy dọc từ đỉnh đầu đến mũi



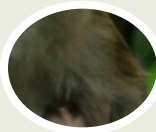
Ảnh: © Trần Quang Phương CPCP

Mèo rừng
(*Prionailurus bengalensis*)



Ảnh: © Hoàng Minh Đức

Khỉ đuôi lợn
(*Macaca leonina*)



(1) Trên thân màu nâu xám hoặc nâu đỏ, thân dưới sáng màu



(2) Trên đỉnh đầu màu lông đen đẹp ở giữa tạo hình chiếc mũ



(3) Đuôi thon nhỏ, lông ngắn và thường uốn cong lên phía lưng, giống đuôi lợn

Cu li nhỏ là loài có kích cỡ nhỏ nhất trong các loài linh trưởng ở Việt Nam. Cu li nhỏ có hình dạng và màu sắc như loài cu li lớn nhưng cu li nhỏ có màu lông vàng tươi hơn và kích thước nhỏ hơn.

(1) Mắt tròn to và trố to



Ảnh: © Julie Larsen Maher

Cu li nhỏ

(*Nycticebus pygmaeus*)



(2) Bộ lông mềm màu vàng hoặc vàng đỏ, đầu sợi lông màu trắng



(3) Dọc sống lưng có một dải lông màu xám tro ngắn đến giữa lưng, màu dải lông có thể thay đổi theo mùa



(4) Lông trước ngực có màu xám tro



(5) Đuôi rất ngắn

Cu li lớn là loài có kích cỡ nhỏ trong các loài linh trưởng ở Việt Nam. Cu li lớn có hình dạng và màu sắc như loài cu li nhỏ nhưng cu li lớn có màu lông vàng tươi hơn và kích thước nhỏ hơn.

(1) Mắt tròn to và trố to



Ảnh: © IWAR_Khoi

Cu li lớn

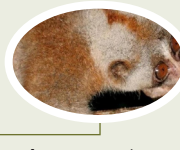
(*Nycticebus bengalensis*)



(2) Bộ lông mềm màu vàng hoặc vàng đỏ, đầu sợi lông màu trắng



(3) Dọc sống lưng có một dải lông màu xám tro ngắn đến giữa lưng. Màu dải lông có thể thay đổi theo mùa



(4) Lông trước ngực có màu xám tro



(5) Đuôi rất ngắn



Rắn hổ mang chúa
(*Ophiophagus hannah*)

(1) Kích cỡ lớn, có thể dài tới 5m

(2) Trên đầu có 2 vảy đỉnh và 2 vảy sau đỉnh (ở vùng cằm) rất lớn

(3) Thân màu xám nhạt đến xám vàng, nhiều cá thể có vết sáng màu ngang thân

(1) Lỗ mũi nằm gần ổ mắt hơn mút mõm



(2) Thân màu xám nâu, có những đốm sáng màu vàng nhỏ, ở lưng có nhiều vết xám to xếp theo chiều ngang



Kỳ đà vân
(*Varanus nebulosus* (*V. bengalensis*))



Kỳ đà hoa
(*Varanus salvator*)



(1) Lỗ mũi hình bầu dục hay tròn, gần mút mõm hơn là hốc mắt



(2) Lưng màu xám đen, những chấm vàng to xếp thành hàng ngang thân



Vảy tê tê

Vảy có màu từ vàng tới nâu đen và có hình tam giác nhọn nhụy

Quan sát mặt cắt ngang sản phẩm chế tác từ ngà voi sẽ thấy có những đường dạng góc tam giác (đường Schreger)



Sản phẩm chế tác từ ngà voi

Ngà voi cổ đại (voi ma mút) có góc đường Schreger nhọn (nhỏ hơn 90 độ), trong khi đó, góc đo được của ngà voi châu Á là góc tù (lớn hơn 90 độ). Vết màu tím trên ngà voi ma mút có thể sẽ hiện lên dưới ánh đèn tia cực tím, còn ở ngà voi hiện đại thì không có



Nanh/móng của các loài ĐVHD: hổ, gấu, sư tử,



(1) Răng nanh gồm có chân răng lớn và đầu răng nhọn



(2) Vuốt bao gồm hai phần, phần vỏ là chất keratin và phần lõi là xương nhằm làm để cứng cho phần vỏ



(3) Các sản phẩm được làm giả từ nhựa khi đốt sẽ bị cháy và có mùi nhựa cháy

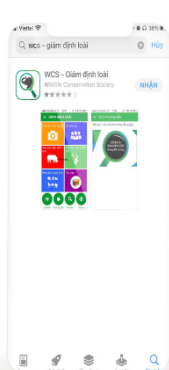
(4) Xương, ngà không bị nóng chảy khi đốt. Các sản phẩm làm từ vuốt (chất sừng) khi đốt có mùi tóc cháy

2. Giới thiệu công cụ Giám Định Loài

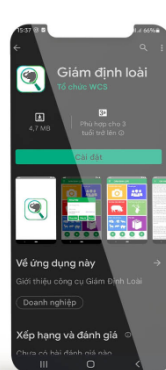
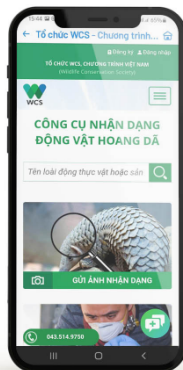
- Ứng dụng/Trang web <https://giamdinhlai.vn/> là công cụ hỗ trợ nhận dạng ĐVHD và sản phẩm ĐVHD thường bị buôn bán trái pháp luật do WSC xây dựng và vận hành.
- Cơ sở dữ liệu của công cụ hiện chứa thông tin mô tả nhận dạng của hơn **200 loài ĐVHD và 12 nhóm sản phẩm ĐVHD** thường bị buôn bán trái pháp luật trên toàn lãnh thổ Việt Nam và sẽ tiếp tục được cập nhật trong thời gian tới.



Ứng dụng trên IOS
(Iphone, Ipad ...)



Ứng dụng trên Android
(Samsung, LG ...)



PHẦN III. NHẬN BIẾT CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHỔ BIẾN



CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)
Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Xảy ra ở những nơi gần/trong rừng; hoặc ở những nơi kín đáo.
Cá nhân/nhóm mang theo dụng cụ như súng, cung, nỏ, bẫy, lưới, dây rết, chất nổ, loa bẫy chim, dao...;
Mục đích: làm thực phẩm, thú vui tiêu khiển, bán lấy tiền.

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:
Rùa, rắn, dúi, don, khỉ, vượn, vọc, cầy mực, chim hoang dã...



CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21, Điều 24 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)
Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Nuôi, nhốt ĐVHD như thú nuôi làm cảnh;
Nuôi, nhốt ĐVHD trong cũi, lồng sắt, chuồng, hãm ở những nơi kín đáo như sau bếp, vườn, dưới hẻm...;
Không đăng ký mã số cơ sở nuôi, hoặc có đăng ký nhưng không báo cáo diễn biến số lượng;
Mục đích: nuôi làm cảnh, nuôi để bán.

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:
Gấu, khỉ, mèo rừng, hổ, rái cá, cu li, rùa, kỳ đà, chim hoang dã...



CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)
Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

ĐVHD bị cấp đông và lưu trữ trong tủ lạnh/tủ đông;
Cắt giầu xác, bộ phận cơ thể, sản phẩm của ĐVHD trong nhà, tủ, vườn...;
ĐVHD bị ngâm trong các dung dịch như rượu;
Lưu ý: Dấu hiệu nghi vấn như các hộ gia đình không có hoạt động buôn bán nhưng lại có nhiều tủ đông tại nhà.

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:
Sừng tê giác, ngà voi, vây tê tê, hổ, gấu, kỳ đà, cầy, khỉ, vượn, vọc...



CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22, Điều 24 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)
Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Sử dụng nhiều loại phương tiện: ô tô (cá nhân hoặc xe khách), tàu hỏa, thuyền, xe máy...;
ĐVHD/sản phẩm của ĐVHD được bọc kỹ, cắt giầu tại nhiều vị trí tùy phương tiện;
Thường di chuyển vào ban đêm hoặc rạng sáng để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng;
Không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc khi di chuyển;
Lưu ý: Dấu hiệu nghi vấn như có tiếng kêu/mùi đặc trưng của ĐVHD.

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:
Rắn, rùa, kỳ đà, cầy, tê tê, ĐVHD đông lạnh, vây tê tê, ngà voi, sừng tê giác...



**CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 23, Điều 24 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)

Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Các trao đổi cả thể ĐVHD sống, xác, bộ phận cơ thể, sản phẩm của ĐVHD để lấy tiền, hiện vật, lợi ích khác bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; Các đề cập về ĐVHD kèm giá cả, hình thức thanh toán, phương tiện vận chuyển; Phương thức giao dịch: công khai (nhà hàng, hiệu thuốc đông y, chợ, ven đường...) hoặc bí mật.

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:

Khỉ, rùa, hổ, gấu, vầy tê tê, ngà voi, sừng tê giác...



**CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 33 Nghị định 38/2021 và Điều 16 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Đăng, rao hình ảnh ĐVHD/sản phẩm của ĐVHD kèm mô tả đặc điểm của ĐVHD/sản phẩm của ĐVHD và giá cả bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến như liệt kê món ăn trên thực đơn, bảng/biển quảng cáo, đăng quảng cáo trên mạng xã hội/các hội nhóm...;

Sử dụng các từ lóng nhằm tránh sự kiểm duyệt của các nền tảng mạng xã hội (tham khảo danh sách từ lóng tại phụ lục IV).

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến: Rùa, rái cá, cầy, kỳ đà, các loài chim hoang dã, vầy tê tê, các sản phẩm chế tác từ ngà voi, sừng tê giác...



**CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 23, Điều 24 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022)

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Có dấu hiệu có ĐVHD (quảng cáo ĐVHD hoặc sản phẩm của ĐVHD, lồng nuôi nhốt, có lồng/các bộ phận động vật bị cắt xẻ) và có dấu hiệu của việc chế biến như dao, thớt, bếp nấu, nồi;

Thường gặp ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:

Don, dúi, nhím, kỳ đà, rắn, rùa, ba ba, cầy, các loài chim hoang dã...



**CƠ SỞ PHÁP LÝ
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 23 Nghị định 35/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 07/2022) và Điều 20, Điều 21 Nghị định 128/2020

**DẤU HIỆU NHẬN BIẾT
VÀ ĐẶC ĐIỂM
ĐẶC TRƯNG (NẾU CÓ)**

Doanh nghiệp có lịch sử vận chuyển, buôn bán ĐVHD;

Doanh nghiệp mới thành lập, có địa chỉ và mục đích kinh doanh không rõ ràng; có thể có cơ sở gây nuôi/kinh doanh ĐVHD có nguồn gốc từ trang trại;

Phương thức cất giấu đa dạng: để lẫn với mặt hàng nông sản, phế liệu; cất giấu trong gỗ nhập khẩu, thạch cao, thùng nhựa đường...

Các loài ĐVHD bị xâm hại phổ biến:

Ngà voi, vầy tê tê, sừng tê giác, xương sư tử, rùa, rắn...



VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

SĂN, BẮT, GIẾT

NUÔI, NHỒT
TANG TRƯ



QUẢNG CÁO

CHẾ BIẾN

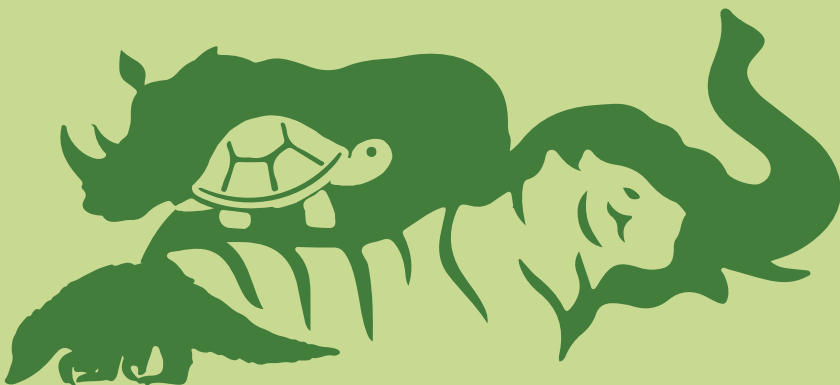
ĐẶC SẢN RỪNG

ĐUÔI BAY

VẬN CHUYỂN
ĐƯỜNG BỘ

VẬN CHUYỂN
ĐƯỜNG SẮT

VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BIỂN



PHẦN IV. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

a. Các cơ quan thực thi pháp luật, xử lý vi phạm liên quan đến ĐVHD:

- Cơ quan xử lý vi phạm hành chính/khởi tố, điều tra hình sự: Công an, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường...;
- Cơ quan truy tố: Viện kiểm sát nhân dân các cấp (tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, cấp huyện);
- Cơ quan xét xử: Tòa án nhân dân các cấp (tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, cấp huyện).

b. Các hình thức xử lý vi phạm

Xử lý vi phạm hành chính: Nghị định 35/2019/NĐ-CP; Nghị định 07/2022/NĐ-CP; Nghị định 38/2021/NĐ-CP; Nghị định 128/2020/NĐ-CP.

Hành vi vi phạm	Mức xử phạt	Mức độ xâm hại loài *				
		Loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm IB và Phụ lục I CITES	Nhóm IIB và Phụ lục II CITES	ĐV rừng thông thường, Phụ lục III CITES	Loài ĐVHD khác **
Săn, bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến trái pháp luật ĐVHD	Phạt tiền: 1tr - 400tr; Hình phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện	Ngà voi < 02kg; Sừng tê giác < 0,05kg	a) Động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của: 01 - 02 cá thể lớp thú; 01 - 06 cá thể lớp chim, bò sát; 01 - 09 cá thể lớp khác; b) Sản phẩm của loài này trị giá dưới 100tr	< 150tr	< 300tr	< 300tr
Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh, chuyển khẩu trái pháp luật ĐVHD	Phạt tiền: 10tr - 100tr; Hình phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính	x	x	x	x	x
Quản lý hồ sơ lâm sản không đúng quy định pháp luật	Phạt tiền: 500.000 VND - 10tr	x	x	x	x	x
Quảng cáo trái pháp luật ĐVHD	Phạt tiền: 70tr - 100tr	x	x			
	Phạt tiền: 1tr - 1,5tr			x	x	x

Trong bảng, "triệu đồng" được viết tắt là "tr"

*Mức độ xâm hại loài: Tổng trị giá bằng tiền hoặc tổng số cá thể/khối lượng sản phẩm ĐVHD bị xâm hại

* *ĐVHD khác theo điểm d khoản 29 Điều 3 Nghị định 06/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 84/2021/NĐ-CP)

Xử lý hình sự: Điều 234, Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)
 Xử lý hình sự theo Điều 234 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) với hành vi săn, bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II, III CITES và động vật rừng thông thường.

Người vi phạm	Mức xử phạt	Mức độ xâm hại loài *		Tình tiết khác	
		Nhóm IIB và Phụ lục II CITES	Động vật rừng thông thường, Phụ lục III CITES, ĐVHD khác	Thu lợi bất chính	Khác
Ngưỡng xử lý hành chính - hình sự		150tr	300tr		
Cá nhân	Phạt tiền: 50tr - 1,5 tỷ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 12 năm	>= 150tr	>= 300tr	>= 50tr	Dưới mức tối thiểu nhưng đã bị xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; Các tình tiết tăng nặng khác theo khoản 2 Điều 234 BLHS
Pháp nhân	Phạt tiền: 300tr - 6 tỷ; hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn 06 tháng - 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn				

Hình phạt bổ sung

Cá nhân	Phạt tiền: 50tr - 200tr, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm - 05 năm
Pháp nhân	Phạt tiền: 50tr - 200tr, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm - 03 năm

Trong bảng, "triệu đồng" được viết tắt là "tr"

*Mức độ xâm hại loài: Tổng trị giá bằng tiền hoặc tổng số cá thể/khối lượng sản phẩm ĐVHD bị xâm hại

Xử lý hình sự theo Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) với hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (loài ưu tiên bảo vệ), Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES; và sản phẩm của loài ưu tiên bảo vệ.
 (Đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán “sản phẩm của các loài thuộc Nhóm IB và Phụ lục I CITES mà không thuộc Danh mục loài ưu tiên bảo vệ” là hàng cấm thì bị xem xét, xử lý hình sự theo Điều 190, 191 Bộ luật Hình sự).

Người vi phạm	Mức xử phạt	Mức độ xâm hại loài *		Tình tiết khác
		Loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm IB và Phụ lục I CITES	
Ngưỡng xử lý hành chính - hình sự		Ngà voi 2kg; Sừng tê giác 0,05kg	a) Từ 03 cá thể lớp thú/07 cá thể lớp chim, bò sát/10 cá thể lớp khác trở lên; b) Sản phẩm của loài này là hàng cấm trị giá >= 100tr	Dưới mức tối thiểu nhưng đã bị xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; Các tình tiết tăng nặng khác theo khoản 2 Điều 244 BLHS
Cá nhân	Phạt tiền: 500tr - 2 tỷ hoặc phạt tù 01 năm - 15 năm	Ngà voi >=2 kg; Sừng tê giác >= 0,05 kg;		
Pháp nhân	Phạt tiền: 1 tỷ - 15 tỷ; hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn 06 tháng - 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn	Loài ưu tiên khác: bất kể số lượng bao nhiêu nhưng hành vi gây nguy hiểm cho xã hội		
Hình phạt bổ sung				
Cá nhân	Phạt tiền: 50tr - 200tr, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm			
Pháp nhân	Phạt tiền: 300tr - 600tr, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm			

Trong bảng, “triệu đồng” được viết tắt là “tr”
 *Mức độ xâm hại loài: Tổng trị giá bằng tiền hoặc tổng số cá thể/khối lượng sản phẩm ĐVHD bị xâm hại

PHẦN V. HƯỚNG DẪN BÁO CÁO CÁC HÀNH VI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

BIỂU MẪU BÁO CÁO CÁC DẤU HIỆU VI PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

I. Thông tin của người báo cáo vụ việc có dấu hiệu vi phạm

Họ và tên:.....	Thông tin liên hệ (SĐT/Email/ Facebook):
--------------------------	---

II. Thông tin về vụ việc có dấu hiệu vi phạm

Thời gian phát hiện vi phạm (Ngày, giờ):	Địa điểm/Đường dẫn đến thông tin vi phạm (Áp dụng cho vi phạm online):
Các loài ĐVHD ghi nhận (ghi rõ tên/sản phẩm ĐVHD, số lượng/ khối lượng - nếu có) Loài 1: Loài 2: Loài 3: Loài 4: Loài khác (nếu cụ thể):	
Thông tin về các đối tượng tham gia và vai trò (nếu có):	Thông tin liên hệ của đối tượng (nếu có):
Thông tin về phương tiện vận chuyển (nếu có):	
Tóm tắt thông tin về dấu hiệu vi phạm:	

ĐỊA CHỈ TIẾP NHẬN THÔNG TIN BÁO CÁO VI PHẠM

Khi phát giác bất kỳ hành vi có dấu hiệu vi phạm liên quan đến ĐVHD, vui lòng liên hệ các cơ quan, tổ chức sau để báo cáo:



Cơ quan chức năng tại địa phương nơi xảy ra vụ việc

- Công an xã, phường, thị trấn
- Hạt kiểm lâm huyện, thị xã, thành phố hoặc các trạm kiểm lâm địa bàn
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh, thành phố
- Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu - Công an các tỉnh, thành phố



Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam

Địa chỉ: 106, nhà D, số 3 Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3514 9750

Email: wcsvietnam@wcs.org

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

Fanpage: www.fb.com/wcs.vietnam



Các tổ chức bảo tồn thiên nhiên trong nước và quốc tế, các trung tâm cứu hộ tại địa phương.

Phụ lục I

Điều ước quốc tế và văn bản quy phạm pháp luật cơ bản của Việt Nam về quản lý, bảo vệ ĐVHD và xử lý vi phạm liên quan đến ĐVHD

1 Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES)

Là một hiệp ước đa phương giữa các chính phủ được thiết lập nhằm đảm bảo kiểm soát hoạt động buôn bán quốc tế mẫu vật của các loài động, thực vật hoang dã mà không đe dọa sự sống còn của các loài này trong tự nhiên. Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES được dịch và công bố tại Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam.

2 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Quy định về tội phạm và hình phạt, bao gồm tội phạm và hình phạt đối với hành vi xâm hại ĐVHD

3 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)

Quy định trình tự, thủ tục tố tụng hình sự trong giải quyết vụ án hình sự, bao gồm vụ án về ĐVHD

4 Luật Lâm nghiệp năm 2017

Quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản, trong đó có ĐVHD.

5 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)

Quy định về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, trong đó có bảo tồn các loài ưu tiên

6 Luật Thủy sản năm 2017

Quy định về hoạt động thủy sản; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động thủy sản; quản lý nhà nước về thủy sản, trong đó có các loài ĐVHD là thủy sản.

7 Luật Đầu tư năm 2020

Quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài, trong đó có các hoạt động đầu tư, kinh doanh liên quan ĐVHD bị cấm hoặc bị hạn chế.

8 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017

Quy định về biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương; giải quyết tranh chấp về áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương.

9 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính.

10

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Quy định về quản lý nhà nước đối với tài sản công; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

11

Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Quy định về tổ chức và hoạt động giám định tư pháp; chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp và trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp

12

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ

Quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

13

Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

14

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ

Quy định tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

15

Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ

Sửa đổi Điều 7 Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

16

Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bao gồm các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, chế biến, vận chuyển, buôn bán trái pháp luật ĐVHD.

17

Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

Sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.

18

Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

19

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022)

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

20

Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

21

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

22

Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ

Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương

23

Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ

Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

24

Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước.

25

Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

26

Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

27

Quyết định số 11/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Quy định việc cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài động vật hoang dã thuộc các phụ lục của CITES, về tê giác và voi châu Phi.

Phụ lục II

Danh mục các loài ĐVHD được bảo vệ theo pháp luật Việt Nam và Công ước CITES

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
LỚP THÚ (MAMMALIA)					
BỘ LINH TRƯỞNG (PRIMATES)					
1	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i> (N. coucang)	IB	Có	I
2	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	IB	Có	I
3	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	IIB	Không	II
4	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i> (M. nemestrina)	IIB	Không	II
5	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	IIB	Không	II
6	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	IIB	Không	II
7	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	IIB	Không	II
8	Voọc bạc Đông Dương (hoặc Voọc bạc)	<i>Trachypithecus germaini</i> (T. villosus)	IB	Có	II
9	Voọc bạc Trường Sơn	<i>Trachypithecus margarita</i>	IB	Không	II
10	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>	IB	Có	II
11	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	IB	Có	I
12	Voọc chà vá chân đỏ/Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>	IB	Có	I
13	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	IB	Có	I

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	ND 84	ND 64	CITES
14	Voọc đen Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	IB	Có	II
15	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>	IB	Có	II
16	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	IB	Có	I
17	Voọc quần đùi trắng/mông trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>	IB	Có	II
18	Voọc xám	<i>Trachypithecus crepusculus (T. phayrei)</i>	IB	Có	II
19	Vượn cao vút	<i>Nomascus nasutus</i>	IB	Có	I
20	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>	IB	Có	I
21	Vượn đen má vàng/má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	IB	Có	I
22	Vượn đen tuyền tây bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>	IB	Có	I
23	Vượn đen Siki	<i>Nomascus leucogenys siki</i>	IB	Có	I
24	Vượn má vàng Trung Bộ	<i>Nomascus annamensis</i>	IB	Có	I
BỘ THÚ ĂN THỊT (CARNIVORA)					
25	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	IB	Có	I
26	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	IB	Có	I
27	Báo lửa (Beo vàng; Beo lửa)	<i>Catopuma (Felis) temminckii</i>	IB	Có	I
28	Cáo lửa	<i>Vulpes vulpes</i>	IB	Không	Không

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	ND 84	ND 64	CITES
29	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	IB	Có	I
30	Cây giông	<i>Viverra zibetha</i>	IIB	Không	Không
31	Cây giông đốm lớn	<i>Viverra megaspila</i>	IB	Có	Không
32	Cây hương	<i>Viverricula indica</i>	IIB	Không	Không
33	Cây rái cá	<i>Cynogale bennettii</i>	Không	Không	II
34	Cây tai trắng	<i>Arctogalidia trivirgata</i>	IIB	Không	Không
35	Lửng lợn	<i>Arctonyx collaris</i>	IIB	Không	Không
36	Lửng chó	<i>Nyctereutes procyonoides</i>	IIB	Không	Không
37	Cây văn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>	IB	Có	Không
38	Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	IIB	Không	Không
39	Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>	IIB	Không	III
40	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>	IB	Không	III
41	Chồn mực/ Cây mực (Cây đen)	<i>Arctictis binturong</i>	IB	Có	III
42	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i>	IB	Có	I
43	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	IB	Có	I
44	Hổ Đông Dương	<i>Panthera tigris</i>	IB	Có	I
45	Mèo cá	<i>Prionailurus (Felis) viverrinus</i>	IB	Có	II
46	Mèo gấm	<i>Pardofelis (Felis) marmorata</i>	IB	Có	I
47	Mèo ri	<i>Felis chaus</i>	IIB	Không	II
48	Mèo rừng	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>	IIB	Không	II

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	ND 84	ND 64	CITES
49	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>	IB	Có	II
50	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale (Lutra) perspicillata</i>	IB	Có	I
51	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	IB	Có	I
52	Rái cá vuốt bé	<i>Amblonyx (Aonyx) cinereus (A. cinerea)</i>	IB	Có	I
53	Sói đỏ/Chó sói lửa	<i>Cuon alpinus</i>	IB	Có	II
54	Triết bụng vàng	<i>Mustela kathiah</i>	Không	Không	III
55	Triết chi lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>	IIB	Không	Không
BỘ CÓ VÒI (PROBOSCIDEA)					
56	Voi Châu Á	<i>Elephas maximus</i>	IB	Có	I
BỘ MÓNG GUỐC LẺ (PERISSODACTYLA)					
57	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>	IB	Có	I
58	Tê giác hai sừng	<i>Dicerorhinus sumatrensis</i>	Không	Không	I
BỘ MÓNG GUỐC CHẴN (ARTIODACTYLA)					
59	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	IB	Có	Không
60	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	IB	Có	I
61	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>	Không	Có	I
62	Cheo cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	IIB	Không	Không
63	Cheo cheo lưng bạc	<i>Tragulus versicolor</i>	IIB	Không	Không
64	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>	IB	Có	III
65	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>	IB	Có	II

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
66	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i>	IB	Có	I
67	Mang pù hoạt	<i>Muntiacus puhoatensis</i> (<i>Muntiacus rooseveltorum</i>)	IIB	Không	Không
68	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsonensis</i>	IB	Có	Không
69	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	IIB	Không	Không
70	Nai cà tong	<i>Cervus (Rucervus) eldii</i>	IB	Có	I
71	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>	IB	Có	I
72	Sơn dương	<i>Naemorhedus (Capricornis) sumatraensis</i>	IB	Có	I
73	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>	Không	Không	III
BỘ TÊ TÊ (PHOLIDOTA)					
74	Tê tê Java	<i>Manis javanica</i>	IB	Có	I
75	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>	IB	Có	I
BỘ THỎ RỪNG (LAGOMORPHA)					
76	Thỏ rừng	<i>Lepus sinensis</i>	IIB	Không	Không
77	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timminsi</i>	IB	Có	Không
BỘ GẤM NHẮM (RODENTIA)					
78	Chuột đá	<i>Laonastes aenigmamus</i>	IIB	Không	Không
79	Sóc bay trâu	<i>Petaurista petaurista</i>	IIB	Không	Không

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	ND 84	ND 64	CITES
80	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	IIB	Không	II
BỘ DỖI (CHIROPTERA)					
81	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i>	IIB	Không	II
82	Dơi ngựa ly-lei	<i>Pteropus lylei</i>	IIB	Không	II
83	Dơi ngựa bé	<i>Pteropus hypomelanus</i>	IIB	Không	II
BỘ CÁNH DA (DERMOPTERA)					
84	Chồn bay (Cầy bay; Chồn dơi)	<i>Cynocephalus variegatus</i>	IB	Có	Không
BỘ CÁ VOI (CETACEA)					
85	Cá heo trắng trung hoa	<i>Sousa chinensis</i>	Không	Có	I
BỘ HẢI NGƯU (SIRENIA)					
86	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>	Không	Có	I
LỚP CHIM (AVES)					
BỘ BỒ NÔNG (PELECANIFORMES)					
87	Bồ nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>	IB	Có	Không
88	Cò mỏ thìa	<i>Platalea minor</i>	IB	Có	Không
89	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>	IB	Có	Không
90	Điêng điểng/ Cổ rần	<i>Anhinga melanogaster</i>	IB	Có	Không
91	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>	IB	Có	Không

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
92	Hạc xám	<i>Mycteria cinerea</i>	IB	Không	I
93	Quắm cánh xanh	<i>Pseudibis davisoni</i>	IB	Có	Không
94	Quắm đầu đen	<i>Threskiornis melanocephala</i>	IIB	Không	Không
95	Quắm lớn	<i>Thaumabitis (Pseudibis) gigantea</i>	IB	Có	Không
96	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>	IB	Có	Không
BỘ CẮT (FALCONIFORMES)					
99	Các loài trong bộ Cắt	<i>Falconiformes spp. (trừ loài Falco peregrinus đã liệt kê trong nhóm IB)</i>	IIB	Không	II
100	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i>	IB	Không	I
101	Cắt nhỏ hông trắng	<i>Polihierax insignis</i>	IIB	Không	II
102	Đại bàng đen	<i>Aquila clanga</i>	Không	Không	II
103	Diều cá bé	<i>Ichthyophaga humilis</i>	Không	Không	II
104	Diều cá lớn	<i>Ichthyophaga ichthyaetus</i>	Không	Không	II
105	Diều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>	Không	Không	II
BỘ ƯNG (ACCIPITRIFORMES)					
106	Các loài trong bộ Ưng	<i>Accipitriformes spp. (trừ các loài Aquila heliaca, Gyps indicus, Gyps bengalensis và Sarcogyps calvus đã liệt kê trong nhóm IB)</i>	IIB	Không	Không

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	ND 84	ND 64	CITES
107	Đại bàng đầu nâu	<i>Aquila heliaca</i>	IB	Không	I
108	Kền kền ấn độ	<i>Gyps indicus</i>	IB	Không	II
109	Kền kền ben gan	<i>Gyps bengalensis</i>	IB	Không	II
110	Ó tai	<i>Sarcogyps calvus</i>	IB	Không	II
BỘ CÚ (STRIGIFORMES)					
111	Các loài trong bộ Cú Strigiformes	<i>Strigiformes spp.</i>	IIB		II
112	Cú lợn lung nâu	<i>Tyto capensis</i>	Không	Không	II
113	Cú lợn lung xám	<i>Tyto alba</i>	Không	Không	II
114	Dù di phương đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>	Không	Không	II
BỘ GÀ (GALLIFORMES)					
115	Các loài Gà so thuộc giống Arborophila, Lophura	<i>Arborophila spp.</i> <i>Lophura spp.</i> (trừ loài <i>Arborophila davidi</i> đã liệt kê ở nhóm IB)	IIB	Không	Không
116	Công	<i>Pavo muticus</i>	IB	Có	II
117	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	IB	Có	I
118	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii tonkinensis</i>	IB	Có	Không
119	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	IB	Không	Không
120	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>	IB	Có	Không

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
121	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>	IIB	Không	Không
122	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	IB	Có	II
123	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	IB	Có	II
124	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>	IB	Có	I
BỘ HẠC (CICONIIFORMES)					
125	Già đầy lớn	<i>Leptoptilos dubius</i>	IIB	Không	Không
126	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>	IB	Có	Không
127	Hạc đen	<i>Ciconia nigra</i>	IIB	Không	II
BỘ NGŨNG (ANSERIFORMES)					
128	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>	IB	Có	I
129	Vịt đầu đen	<i>Aythya baeri</i>	IIB	Không	Không
130	Vịt mỏ nhọn	<i>Mergus squamatus</i>	IIB	Không	Không
BỘ RỄ/CHOẮT (CHARADRIIFORMES)					
131	Choắt lớn mỏ vàng	<i>Tringa guttifer</i>	IB	Có	I
132	Rẽ mỏ thìa	<i>Calidris pygmeus</i>	IB	Có	Không
BỘ SẢ (CORACIIFORMES)					
133	Các loài trong họ Hồng hoàng	<i>Bucerotidae spp.</i> (trừ các loài <i>Buceros bicornis</i> , <i>Aceros nipalensis</i> , <i>Rhyticeros undulatus</i> và <i>Anorrhinus austeni</i> thuộc Nhóm IB)	IIB		

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	ND 84	ND 64	CITES
134	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	IB	Có	I
135	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	IB	Có	I
136	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>	IB	Có	II
137	Niệc nâu	<i>Anorrhinus tickelli</i>	IB	Có	II
BỘ SẾ (PASSERIFORMES)					
138	Các loài thuộc giống Garrulax, Trochalo- pteron, Pterorhinus, lanthocincla	<i>Garrulax spp.</i> , <i>Trochalo- pteron_spp.</i> , <i>Pterorhinus spp.</i> , <i>lanthocincla spp.</i>	IIB		
139	Các loài thuộc giống Pitta, Hydro- nis	<i>Pitta spp.</i> , <i>Hydronis spp.</i>	IIB		
140	Đuôi cụt bụng đỏ	<i>Pitta nympha</i>	IIB	Không	II
141	Khuống cánh đỏ	<i>Garrulax formosus</i>	IIB	Không	Không
142	Khuống đầu đen	<i>Garrulax milleti</i>	IIB	Không	Không
143	Khuống đầu đen má xám	<i>Garrulax yersini</i>	IB	Không	Không
144	Khuống đầu xám	<i>Garrulax vassali</i>	IIB	Không	Không
145	Khuống đuôi đỏ	<i>Garrulax formosus greenwayi</i>	IIB	Không	Không
146	Khuống Ngọc Linh	<i>Garrulax ngoclinhensis</i>	IB	Có	Không
147	Khuống konkakin	<i>lanthocincla konkakinensis</i>	IB	Không	
148	Khuống ngực đốm	<i>Garrulax merulinus</i>	IIB	Không	Không
149	Kim oanh mỏ đỏ	<i>Leiothrix lutea</i>	IIB	Không	II
150	Kim oanh tai bạc	<i>Leiothrix argentea</i>	IIB	Không	II

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
151	Mi núi bà	<i>Laniellus langbianis</i>	IB	Không	Không
152	Sẻ đồng ngực vàng	<i>Emberiza aureola</i>	IIB	Không	Không
153	Yểng (Nhòng)	<i>Gracula religiosa</i>	IIB	Không	II
BỘ SẾU (GRUIFORMES)					
154	Chân bơi	<i>Heliopais personata</i>	IIB	Không	Không
155	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>	IB	Có	II
BỘ Ô TÁC (OTIDIFORMES)					
156	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>	IB	Có	I
BỘ VỆT (PSITTACIFORMES)					
157	Các loài Vẹt thuộc giống Psittacula	<i>Psittacula spp.</i>	IIB		II
158	Vẹt đầu hồng	<i>Psittacula roseata</i>	IIB	Không	II
159	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>	IIB	Không	II
160	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>	IIB	Không	II
161	Vẹt má vàng	<i>Psittacula eupatria</i>	IIB	Không	II
162	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	IIB	Không	II
LỚP BÒ SÁT (REPTILIA)					
BỘ CÓ VÁY (SQUAMATA)					
163	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	IIB	Không	II

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
164	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus</i> (<i>V. bengalensis</i>)	IB	Không	I
165	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	IB	Có	II
166	Rắn hổ mang một mắt kính	<i>Naja kaouthia</i>	IIB	Không	II
167	Rắn hổ mang thường	<i>Naja naja</i>	Không	Không	II
168	Rắn hổ mang Trung Quốc	<i>Naja atra</i>	IIB	Không	II
169	Rắn hổ mang xiêm	<i>Naja siamensis</i>	IIB	Không	II
170	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	IIB	Không	II
171	Tắc kè đuôi vàng	<i>Cnemaspis psychedelica</i>	IB	Có	I
172	Tắc kè hoa	<i>Gecko gecko</i>	IIB	Không	II
173	Các loài Thạch sùng mí thuộc giống <i>Goniurosaurus</i>	<i>Goniurosaurus spp.</i>	IIB	Không	II
174	Thằn lằn cá sấu	<i>Shinisaurus crocodilurus</i>	IB	Có	I
175	Trăn cột	<i>Python curtus</i>	IIB	Không	II
176	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	IIB	Không	II
177	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	IIB	Không	II
BỘ RÙA (TESTUDINES)					
178	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i>	IIB	Không	II
179	Ba ba Nam Bộ/ Cua đình	<i>Amyda cartilaginea</i>	IIB	Không	II

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
180	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>	IB	Có	II
181	Giải sin-hoe	<i>Rafetus swinhoei</i>	IB	Có	II
182	Rùa ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	IIB	Không	II
183	Rùa ba-ta-gua Miền Nam	<i>Batagur affinis</i>	IB	Không	I
184	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i>	IIB	Không	II
185	Rùa câm	<i>Mauremys mutica</i>	IIB	Không	II
186	Rùa cổ bự	<i>Siebenrockiella crassicollis</i>	IIB	Không	II
187	Rùa đầm cổ đỏ	<i>Mauremys nigricans</i>	IIB	Không	II
188	Rùa đất châu Á	<i>Cyclemys dentata</i>	IIB	Không	II
189	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	IIB	Không	II
190	Rùa răng	<i>Heosemys annandalii</i>	IIB	Không	II
191	Rùa đất pul-kin	<i>Cyclemys pulchristriata</i>	IIB	Không	II
192	Rùa đất sê-pôn	<i>Cyclemys oldhami</i>	IIB	Không	II
193	Rùa đất Spengleri	<i>Geoemyda spengleri</i>	IIB	Không	II
194	Rùa đầu to	<i>Platysternum megacephalum</i>	IB	Có	I
195	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata (Cuora cyclornata)</i>	IB	Có	II
196	Rùa hộp bua-rê	<i>Cuora bourreti</i>	IB	Có	I

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
197	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	IIB	Không	II
198	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>	IB	Có	II
199	Rùa hộp Việt Nam (Rùa hộp trán vàng miền Nam)	<i>Cuora picturata</i>	IB	Có	I
200	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>	IIB	không	II
201	Rùa Trung Bộ	<i>Mauremys annamensis</i>	IB	Có	I
202	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	IIB	Không	II
203	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>	IIB	Không	II
204	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	Không	Có	I
205	Rùa biển đầu to	<i>Caretta caretta</i>	Không	Có	I
206	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	Không	Có	I
207	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	Không	Có	I
208	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	Không	Có	I
BỘ CÁ SỮU (CROCODILIA)					
209	Cá sấu hoa cà (Cá sấu nước lợ)	<i>Crocodylus porosus</i>	IB	Không	I
210	Cá sấu xiêm (Cá sấu nước ngọt)	<i>Crocodylus siamensis</i>	IB	Không	I

STT	Tên Tiếng Việt	Tên khoa học	NĐ 84	NĐ 64	CITES
LỚP ẾCH NHÁI (AMPHIBIA)					
BỘ CÓ ĐUÔI (CAUDATA)					
211	Cá cóc bụng hoa (Cá cóc tam đảo)	<i>Paramesotriton deloustali</i>	IIB	Không	II
212	Các loài cá cóc thuộc giống <i>Paramesotriton</i>	<i>Paramesotriton spp.</i>	IIB	Không	II
213	Các loài Cá cóc thuộc giống <i>Tylototriton</i>	<i>Tylototriton spp.</i>	IIB	Không	II
LỚP CÔN TRÙNG (INSECTA)					
BỘ CÁNH VẢY (LEPIDOPTERA)					
214	Bướm phượng cánh chim chấm liền	<i>Troides helena cerberus</i>	IIB	Không	II
215	Bướm phượng cánh chim chấm rời	<i>Troides aeacus aeacus</i>	IIB	Không	II
216	Bướm phượng đuôi kiếm răng nhọn	<i>Teinopalpus aureus aureus</i>	IIB	Không	II
217	Bướm phượng đuôi kiếm răng tù	<i>Teinopalpus imperialis imperialis</i>	IIB	Không	II
BỘ CÁNH CỨNG (COLEOPTERA)					
218	Cua bay đen	<i>Cheirotonus jansoni</i>	IIB	Không	Không
219	Cua bay Việt Nam	<i>Cheirotonus battareli</i>	IIB	Không	Không

Phụ lục III

Danh sách từ lóng thường được sử dụng trong trao đổi, buôn bán trái pháp luật ĐVHD và sản phẩm ĐVHD trên các nền tảng trực tuyến:

Từ lóng	Nghĩa
Socola, cao socola, cao cộp, cao ông 30	Cao hổ
Móc câu, chân dài	Móng ĐVHD (ví dụ móng gấu, móng hổ)
Sấn dây, khoai, thịt nạc, măng, hàng đen	Sùng tê giác
Gà, trao đổi, bay, yêu, cứu hộ, bảo tồn	Mua/bán
Ông ba mươi, cộp	Hổ
Misa	Gấu
Kẹp	Xương
Thóc, lúa	Tiền/giá cả
Hàng vảy	Vảy tê tê
Hàng con	ĐVHD nguyên con
Áo, Bộ áo	Da ĐVHD

Biểu tượng hình ĐVHD được sử dụng để ám chỉ ĐVHD thay vì đề cập trực tiếp đến chúng trong quảng cáo. Ví dụ: 🐾 thay cho “hổ”, 🐼 cho “gấu”.





WILDLIFE CONSERVATION SOCIETY (WCS), VĂN PHÒNG VIỆT NAM

vietnam.wcs.org | wcsvietnam@wcs.org | +84 24 3514 9750

Phòng 106, nhà D, khu biệt thự Thành Công, số 3, phố Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội